

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
KHOA KỸ THUẬT GIAO THÔNG**



**KỶ YẾU HỘI THẢO
HOÀN THIỆN CDR VÀ CTĐT NGÀNH KT TÀU THỦY
THEO CHUẨN AUN**

KHÁNH HÒA, 28/6/2016

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO

	Trang
1. KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KTTT	
ThS.GVC Nguyễn Đình Long – Khoa Kỹ thuật giao thông	2
2. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, CẬP NHẬT CDR VÀ CTĐT NGÀNH KỸ THUẬT TÀU THỦY	
TS. Huỳnh Văn Vũ – Khoa Kỹ thuật giao thông	28
3. THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ CDR VÀ CTĐT NGÀNH KTTT	
ThS. Đinh Đức Tiến – Viện NCCT tàu thủy	37
4. MỘT SỐ Ý KIẾN THAM LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG KỸ SƯ NGÀNH KTTT, NHỮNG BẤT CẬP VÀ NHỮNG YÊU CẦU CẦN THAY ĐỔI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHO PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH THỰC TẾ SỬ DỤNG CỦA DOANH NGHIỆP HIỆN NAY	
ThS. Lê Văn Toàn – Cty TNHH MTV đóng tàu Nha Trang	40

KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KTTT

ThS.GVC Nguyễn Đình Long – Khoa Kỹ thuật giao thông

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành Kỹ thuật tàu thủy Trường Đại học Nha Trang (Trường Thủy sản, Đại học thủy sản Nha Trang trước đây) được tổ chức đào tạo từ những ngày đầu thành lập trường với tên ngành đào tạo: “Cơ khí tàu thuyền”. Chương trình đào tạo khi ấy bao gồm cả hai khối kiến thức chính “Vỏ tàu” và “Máy tàu”. Sinh viên tốt nghiệp làm việc chủ yếu trong ngành thủy sản và hàng hải.

Từ khi chủ trương “Đổi mới” của Đảng Cộng sản Việt Nam đi vào cuộc sống (những năm cuối thế kỷ 20), nền kinh tế nước ta dần dần phục hồi và bắt đầu phát triển. Trước nhu cầu nhân lực phục vụ kinh tế biển (hàng hải), ngành Cơ khí tàu thuyền Đại học thủy sản Nha Trang được tách đào tạo theo 2 nhánh ngành chuyên sâu: Đóng tàu (chuyên vỏ) và Động lực (chuyên máy) từ khóa 38 (1996-2000). Sinh viên tốt nghiệp ở thời kỳ này góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành Công nghiệp tàu thủy nói riêng và kinh tế biển nói chung. Họ thích ứng nhanh với công việc, làm chủ công nghệ, thiết bị, trưởng thành nhanh và nhiều người giữ cương vị lãnh đạo quan trọng trong các cơ sở đóng tàu và công trình biển.

Trước tình hình mới của đất nước, yêu cầu vừa phát triển kinh tế biển vừa bảo vệ chủ quyền biển đảo, cả nước tập trung đầu tư cho ngành khai thác thủy sản, đòi hỏi các cơ sở đào tạo có trách nhiệm phải đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của ngành này. Do đó, với truyền thống của mình, Trường Đại học Nha Trang chủ trương chuyển đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy theo hướng tích hợp hai khối kiến thức “Vỏ” & “Máy” trong một chương trình thống nhất với tên gọi: Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy, bắt đầu được triển khai đào tạo từ khóa 54 (2012-2016).

Mặc dù chương trình này được xây dựng trên cơ sở Chuẩn đầu ra nhưng qua một thời gian triển khai cho thấy còn có những hạn chế, cần phải nghiên cứu hoàn thiện, đặc biệt là phải đảm bảo chất lượng theo chuẩn nhất định để đảm bảo tính hội nhập.

Hiện Trường Đại học Nha Trang đang hướng xây dựng & hoàn thiện chương trình đào tạo các ngành theo chuẩn AUN.

Theo đó, cần tiến hành thu thập ý kiến của các bên liên quan đến đào tạo để làm cơ sở rà soát hoàn thiện chương trình đào tạo ngành KTTT theo chuẩn AUN.

II. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI KHẢO SÁT Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KTTT

2.1. Đối tượng khảo sát

1/. Doanh nghiệp – khảo sát ý kiến về chất lượng sinh viên tốt nghiệp, chuẩn đầu ra và nhu cầu tuyển dụng.

2/. Cựu sinh viên - khảo sát ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy.

3/. Sinh viên mới tốt nghiệp - khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên sau 1-2 năm tốt nghiệp.

4/. Sinh viên năm cuối - khảo sát ý kiến về chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy.

5/. Giảng viên - khảo sát ý kiến về chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy.

6/. Phụ huynh - khảo sát ý kiến về chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy.

2.2. Tổ chức triển khai

Triển khai ở cả hai hình thức: khảo sát bằng giấy và khảo sát qua mạng internet, bắt đầu từ ngày 28/2/2016. Hình thức khảo sát bằng giấy được thực hiện bởi 2 đoàn công tác ở các địa bàn: Khánh Hòa – Quảng Ngãi và Ninh Thuận – Bà Rịa & Vũng Tàu, sau đó tiến hành khảo sát ý kiến sinh viên năm cuối. Hình thức khảo sát qua mạng internet được triển khai ngay sau đợt khảo sát trực tiếp ở các địa bàn.

2.3. Số phiếu thu được và thành phần

1. Ý kiến nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp, chuẩn đầu ra và nhu cầu tuyển dụng – 19 phiếu. Thành phần gồm có: Nhà máy đóng mới và sửa chữa tàu thủy - 3; Cơ sở thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí nối chung và thiết bị tàu thủy, thiết bị phụ trợ của ngành công nghiệp tàu thủy nói riêng - 1; Công ty vận tải thủy - 1; Các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị dịch vụ liên quan - 14. Trong đó 19 đại diện nhà tuyển dụng (là cựu SV ngành KTTT), gồm: 7 GD, PGD và tương đương; 9 Trưởng phó phòng và 3 quản đốc.

2. Ý kiến cựu sinh viên về chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy – 162 phiếu (*Làm việc ở các cơ sở thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí nối chung và thiết bị tàu thủy, thiết bị phụ trợ của ngành công nghiệp tàu thủy nói riêng: 6; Làm việc ở các công ty vận tải thủy: 3; Làm việc ở các trường đại học, cao đẳng: 8; Làm việc ở các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị dịch vụ liên quan: 49; Làm việc ở các nhà máy đóng mới và sửa chữa tàu thủy: 52; Làm việc ở các đơn vị khác: 44*).

Chức vụ		Thâm niên	
Giám Đốc, Phó giám đốc và tương đương	14,2%	Dưới 2 năm	13%
Trưởng phó phòng và tương đương	19,7%	2 – 5 năm	23,5%
Quản đốc và tương đương	9,9%	6 – 10 năm	29,5%
Thuyền, máy trưởng	1,9%	11 – 20 năm	23,5%
Giảng viên	4,7%	Trên 20 năm	10,5%

Cơ quan hiện đang công tác		Vị trí công việc chính	
* Cơ quan nhà nước	37%	* Kỹ sư thiết kế, phát triển	14,8%
* Doanh nghiệp quốc doanh	11,1%	* Kỹ sư lắp đặt, vận hành, bảo trì	16,7%
* Doanh nghiệp tư nhân VN	14,8%	* Quản lý sản xuất/ sản phẩm	21,6%
* Doanh nghiệp có vốn nước ngoài	27,8%	* Tư vấn, quản lý dự án	11,1%
* Doanh nghiệp của gia đình	2,5%	* Kinh doanh, bán hàng kỹ thuật	5,6%
* Khác	6,8%	* Giảng dạy, nghiên cứu	5,6%
		* Khác	33,3%

3. Tình hình việc làm của cựu sinh viên sau 1-2 năm tốt nghiệp – 5 phiếu (Kỹ sư lắp đặt, vận hành, bảo trì: 3; Quản lý sản xuất/ sản phẩm: 1; Tư vấn, quản lý dự án: 1).

4. Ý kiến sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo ngành KT tàu thủy – 30 phiếu.

5. Ý kiến giảng viên về chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy – 16 phiếu (Trong trường: 9; Các trường đại học, cao đẳng khác: 7).

5. Ý kiến phụ huynh về chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy – 6 phiếu (Nông, ngư dân: 3; Buôn bán nhỏ: 1; Nhân viên nhà nước: 2).

III. KẾT QUẢ

3.1- NHÓM Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1.1- Ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo

1/. Về chất lượng của các SV tốt nghiệp từ Ngành Kỹ thuật tàu thủy (Trường ĐHTN) theo các tiêu chí:

TIÊU CHÍ NHẬN XÉT		Tốt	Khá	TBình	Yếu	Kém	KNXD
<i>2.1 Về kiến thức của SV tốt nghiệp (tính theo %)</i>							
1.	Kiến thức nền tảng	21,0	63,2	15,8	-		
2.	Kiến thức chuyên môn	15,8	57,9	21,0	5,2	-	
3.	Kiến thức về quản lý, điều hành	15,8	36,8	36,8	10,5	-	
4.	Kiến thức chung về văn hóa, xã hội	15,8	31,6	47,4	5,2	-	
5.	Hiểu biết thực tế và các vấn đề đương đại của ngành nghề	21,0	26,3	42,1	10,5	-	
<i>2.2 Về kỹ năng/khả năng của SV tốt nghiệp (tính theo %)</i>							
6.	Kỹ năng nghiệp vụ, tay nghề chuyên môn	15,8	52,6	21,0	10,5	-	
7.	Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	10,5	31,6	31,6	26,3	-	
8.	Khả năng ứng dụng tin học trong công việc	10,5	42,1	42,1	5,2	-	
9.	Khả năng tổ chức, quản lý, điều hành	15,8	42,1	31,6	10,5	-	
10.	Khả năng lập kế hoạch, dự án	21,0	31,6	31,6	15,8	-	
11.	Khả năng giao tiếp, trình bày (nói, viết)	10,5	47,4	42,1	-		
12.	Khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề	15,8	42,1	36,8	5,2	-	
13.	Khả năng làm việc độc lập	15,8	42,1	26,3	15,8	-	
14.	Khả năng làm việc nhóm	21,0	26,3	42,1	10,5	-	
15.	Khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa dạng và hội nhập quốc tế	21,0	31,6	31,6	15,8	-	
<i>2.3 Về phẩm chất của SV tốt nghiệp (tính theo %)</i>							
16.	Ý thức học tập cầu tiến	21,0	57,9	21,0	-		
17.	Ý thức trách nhiệm	21,0	63,2	15,8	-		

18.	Ý thức tổ chức, kỷ luật	21,0	57,9	21,0	-		
19.	Ý thức tập thể, cộng đồng	15,8	42,1	36,8	5,2	-	
20.	Tính nghiêm túc, trung thực	21,0	52,6	26,3	-		
21.	Tính cần cù, chịu khó	26,3	47,4	26,3	-		
22.	Tính cẩn trọng, chu đáo	21,0	31,6	47,4	-		
23.	Tính năng động, sáng tạo	15,8	42,1	31,6	10,5	-	
24.	Khả năng chịu áp lực cao trong công việc	15,8	47,4	26,3	5,2	-	5,2
25.	Đạo đức nghề nghiệp	21,0	57,9	15,8	-	-	5,2

* *KNXD – Không nhận xét được*

2/. Những điểm mạnh khác của kỹ sư Kỹ thuật tàu thủy chưa được nhắc tới ở trên:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Thiết kế/xây dựng một dự án	1
* Tổ chức triển khai một dự án	1
* Hiểu biết về các yêu cầu của quy phạm và công ước quốc tế	1
* Khả năng thích ứng đối với các công việc khác hoặc có liên quan đến ngành nghề	2
* Khả năng giải quyết các vấn đề trong thực tế	1
* Cần cù, tự học và tự đào tạo	1
* Kỹ năng nghiệp vụ, tay nghề chuyên môn	1

3/. Những điểm yếu khác của kỹ sư Kỹ thuật tàu thủy chưa được nhắc tới ở trên:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Khả năng tiếp cận và cập nhật kiến thức thực tế	1
* Khả năng lập dự toán kỹ thuật	2
* Khả năng lập kế hoạch	1
* Hiểu biết quy phạm và luật	1

4/. Đối với kỹ sư Kỹ thuật tàu thủy mới tốt nghiệp, thời gian hội nhập công việc trung bình tính theo tháng là:

* Từ 2 - 6 tháng: 21,1%

* Từ 6 tháng đến 1 năm: 52,6%

* Trên 1 năm: 26,3%

5/. Chất lượng chung của kỹ sư Kỹ thuật tàu thủy được đánh giá là:

* Trung bình: 26,3%

* Khá: 47,4%

* Tốt: 26,3%

6/. Thái độ tôn trọng kỷ luật lao động, ý thức chấp hành nội quy, quy định của Doanh nghiệp/Tổ chức của SV thực tập:

* Trung bình: 25%

* Khá: 50%

* Tốt: 25%

7/. Khả năng giao tiếp, trao đổi thông tin trong công việc của SV thực tập:

* Trung bình: 50%

* Khá: 33,3%

* Tốt: 16,7%

8/. Thái độ hòa đồng, tôn trọng mọi người và có ý thức xây dựng mối quan hệ nơi công sở của SV thực tập:

* Trung bình: 16,7%

* Khá: 66,7%

* Tốt: 16,7%

9/. Kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp nền tảng về ngành Kỹ thuật tàu thủy của SV thực tập:

* Yếu: 8,3%

* Trung bình: 41,7%

* Khá: 50%

10/. Kỹ năng làm việc (lập kế hoạch, tổ chức công việc, làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập....) của SV thực tập:

* Yếu: 16,7%

* Trung bình: 33,3%

* Khá: 50%

11/. Khả năng nắm bắt công việc của SV thực tập:

* Yếu: 8,3%

* Trung bình: 25%

* Khá: 50%

* Tốt: 16,7%

12/. Khả năng quản lý bản thân và lãnh đạo nhóm của SV thực tập:

* Trung bình: 33,3%

* Khá: 58,3%

* Tốt: 8,3%

13/. Kỹ năng tin học và sử dụng máy vi tính của SV thực tập:

* Trung bình: 41,7%

14/. Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc của SV thực tập:

* Yếu: 8,3%

* Trung bình: 50%

* Khá: 41,7%

15/. Đánh giá chung về cả kỳ thực tập (kỹ năng chuyên môn của sinh viên trường và sự hội nhập với môi trường sản xuất):

* Rất tốt: 8,3%

* Tốt, nhưng cần trang bị thêm một số kiến thức: 41,7%

* Bình thường: 41,7%

* Khác: 8,3%

3.1.2- Ý kiến của nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo

16/. So với một số chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy tương tự của các trường Đại học khác, kỹ sư Kỹ thuật tàu thủy của Khoa Kỹ thuật giao thông - Trường Đại học Nha Trang ở mức:

* Thấp hơn: 23,5%

* Ngang bằng: **58,8%**

* Cao hơn: 17,6%

17/. Ý kiến về chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy (Về các mặt như cấu trúc, nội dung, các điều kiện thực hiện chương trình ...):

* Tốt.

* Nội dung chương trình cần phân rõ để đầu ra dễ sử dụng: + Thiết kế + Thi công/ tổ chức thi công + Giám sát chất lượng.

* Căn cứ khả năng của sinh viên và theo định hướng (chuẩn) để đào tạo.

* Cần quan tâm hơn đến khả năng SV tốt nghiệp tiếp cận được thực tế.

* Chú ý chất lượng thật của sinh viên so với chuẩn.

18/. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy của Trường Đại học Nha Trang:

* Phù hợp: 75%

* Chưa hoàn toàn phù hợp: 25%

3.1.3- Ý kiến của cựu sinh viên về chương trình đào tạo

19/. Đánh giá chương trình đào tạo theo các tiêu chí (tính theo %):

TT	Tiêu chí	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1.	Khối lượng kiến thức chuyên ngành nền tảng	-	1,2	31,5	57,4	9,9
2.	Trang thiết bị phòng Thí nghiệm và thời lượng thực hành	3,1	14,2	45,1	33,3	4,3
3.	Rèn luyện và trau dồi Kỹ năng mềm (Quản lý thời gian, giao tiếp, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm ...)	2,5	14,2	42,6	34,6	6,2
4.	Khả năng tư duy phân tích, tổng hợp, phân biện	0,6	8	39,5	46,3	5,5
5.	Khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tế	1,2	8	40,1	45,1	5,5
6.	Khả năng tự nghiên cứu và làm việc độc lập	1,9	7,4	30,2	50	10,5

20/. Chương trình đào tạo phù hợp so với mức độ tiếp thu kiến thức và kỹ năng của sinh viên (tính theo %):

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Quá nặng	1,9	0,6	10,5	12,3	37	13	16	7,4	1,2	-	Quá nhẹ

21/. Chương trình đào tạo cân bằng giữa tính lý thuyết và tính thực tế, ứng dụng (tính theo %):

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Quá thiên về lý thuyết, thiếu tính thực tế	4,9	6,8	21	24,1	25,3	7,4	4,9	3,7	1,2	0,6	Quá thiên về thực tế, ứng dụng, thiếu tính lý thuyết

22/. Thời lượng và nội dung thực hành, thí nghiệm đủ cung cấp kỹ năng nghề nghiệp thực tế cho sinh viên (tính theo %):

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Quá thiếu, ít, không đủ	5,6	8,6	26,5	23,5	16,7	6,8	8,6	1,9	1,9	-	Quá thừa, nhiều

23/. Sinh viên được trau dồi, rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc qua quá trình học tập (tính theo %):

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Không có	2,5	6,2	9,9	11,7	22,2	16,7	15,4	8,6	4,3	2,5	Rất tốt, đầy đủ

- 24/. Mức độ phù hợp của ngành đã học với tính chất công việc hiện nay:
- * Rất phù hợp: 17,3%
 - * Phù hợp: **45,1%**
 - * Phù hợp một phần: 34%
 - * Không phù hợp: 3,7%
- 25/. Mức độ đáp ứng của các kiến thức chuyên môn được học đối với yêu cầu công việc hiện nay:
- * Đáp ứng rất tốt: 8,6%
 - * Đáp ứng tốt: **50%**
 - * Đáp ứng một phần: 40,1%
 - * Hoàn toàn không đáp ứng: 1,1%
- 26/. Mức độ đáp ứng của các kỹ năng chuyên môn/tay nghề được đào tạo đối với yêu cầu công việc hiện nay:
- * Đáp ứng rất tốt: 4,3%
 - * Đáp ứng tốt: **50,3%**
 - * Đáp ứng một phần: 42,6%
 - * Hoàn toàn không đáp ứng: 3,1%
- 27/. Mức độ đáp ứng của các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, ...) được đào tạo đối với yêu cầu công việc hiện nay:
- * Đáp ứng rất tốt: 11,7%
 - * Đáp ứng tốt: **52,5%**
 - * Đáp ứng một phần: 32,1%
 - * Hoàn toàn không đáp ứng: 3,7%
- 28/. Cảm nhận chung về chất lượng đào tạo của khóa học tại Trường ĐHTT:
- * Rất hài lòng: 14,2%
 - * Hài lòng: **59,9%**
 - * Tạm hài lòng: 22,8%
 - * Không hài lòng: 3,1%
- 29/. Khả năng đáp ứng yêu cầu công việc khi bắt đầu nhận việc tại cơ quan:
- * Đáp ứng được yêu cầu của cơ quan, không phải đào tạo bổ sung: 24,7%
 - * Cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cơ quan nhưng phải đào tạo bổ sung: 63,6%
 - * Không đáp ứng được yêu cầu của cơ quan, phải đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung: 9,9%
 - * Khác: 1,9%
- 30/. Khó khăn gặp phải khi nộp đơn ứng tuyển vào các vị trí công việc hoặc đi học:
- * Không có khó khăn gì: 57,4%
 - * Không có thông tin về nhà tuyển dụng hoặc cơ sở đào tạo: 4,9%
 - * Không đáp ứng được yêu cầu về kiến thức chuyên môn: 6,8%
 - * Không đáp ứng được yêu cầu về kỹ năng làm việc (kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng mềm): 8%
 - * Không đáp ứng được yêu cầu về ngoại ngữ: 21%
 - * Thiếu thái độ, nhận thức đúng đắn về bản thân, công việc và xã hội: 1,9%
 - * Khó khăn khác: 14,2%
- 31/. Thuận lợi gặp phải khi nộp đơn ứng tuyển vào các vị trí công việc hoặc đi học:
- * Chương trình đào tạo cung cấp đầy đủ nền tảng kiến thức chuyên môn: 34%
 - * Có kỹ năng làm việc tốt (kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng mềm): 31,5%
 - * Có khả năng ngoại ngữ: 14,8%
 - * Có thái độ nhận thức đúng đắn về bản thân, công việc và xã hội: 34,6%
 - * Thuận lợi khác: 12,3%

32/. Mức độ quan trọng của những yếu tố giúp được tuyển dụng hoặc tự tạo việc làm theo bảng sau (1= Không quan trọng, 2= Ít quan trọng, 3= Tương đối quan trọng, 4= Khá quan trọng, 5= Rất quan trọng):

TT	Yếu tố	Mức độ quan trọng (%)				
		1 (Không QT)	2 (Ít QT)	3 (Tgđôi)	4 (Khá)	5 (Rất QT)
1.	Kiến thức nền tảng	2,5	5,6	22,2	27,2	42,6
2.	Kiến thức chuyên môn	1,2	4,3	19,8	30,9	43,8
3.	Kiến thức về quản lý, điều hành	4,9	8,6	30,9	34	21,6
4.	Kiến thức chung về văn hóa, xã hội	3,7	10,5	39,5	35,8	10,5
5.	Hiểu biết thực tế và các vấn đề đương đại của ngành nghề	3,1	9,3	30,2	35,2	22,2
6.	Kỹ năng nghiệp vụ, tay nghề chuyên môn	2,5	4,9	17,9	37	37,7
7.	Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	1,9	9,9	19,8	22,2	46,3
8.	Khả năng ứng dụng tin học trong công việc	1,2	3,1	25,9	36,4	33,3
9.	Khả năng giao tiếp, trình bày (nói, viết)	1,2	3,1	21	37,7	37
10.	Kinh nghiệm làm việc	2,5	6,2	21,6	39,5	30,2
11.	Trải nghiệm về các hoạt động đoàn thể	4,9	24,7	37,7	27,2	5,6
12.	Trải nghiệm về các hoạt động phục vụ cộng đồng	6,2	23,5	42	20,4	8
13.	Yếu tố khác	9,3	9,9	54,3	18,5	8

3.1.4- Ý kiến của sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo

33/. Đánh giá về phương pháp giảng dạy và học tập của chương trình theo các tiêu chí sau (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1. Phương pháp dạy và học khuyến khích được sinh viên chủ động tìm tòi kiến thức khoa học		-	3,3	26,7	66,7	3,3
2. Sinh viên được tạo điều kiện và hỗ trợ trong nghiên cứu khoa học		-	3,3	33,3	50,0	13,3
3. Khối lượng, nội dung lý thuyết và thực hành phù hợp với nhau		-	13,3	43,3	36,7	6,7

34/. Đánh giá về nội dung của chương trình theo các tiêu chí sau (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1. Sự phù hợp của nội dung từng môn học với đề cương đưa ra		3,3	3,3	30,0	63,3	-
2. Mức độ cập nhật thực tiễn của các môn học trong chương trình		-	10,0	36,7	46,7	6,7
3. Sự phù hợp của nội dung chương trình với mục tiêu đào tạo		-	6,7	40,0	43,3	10,0
4. Tính tích hợp và liên ngành của chương trình đào tạo		-	3,3	50,0	46,7	

35/. Đánh giá chất lượng đáp ứng của phòng học/ giảng đường theo các tiêu chí sau (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1. Vệ sinh phòng học/giảng đường được giữ gìn và đảm bảo		-	10,0	33,3	36,7	20,0
2. Sự phù hợp của diện tích phòng học so với quy mô lớp			-	16,7	70,0	13,3
3. Số lượng của bàn ghế trong phòng học đáp ứng yêu cầu học tập			-	10,0	53,3	36,7
4. Chất lượng của bàn ghế trong phòng học			-	33,3	53,3	13,3
5. Chất lượng hệ thống máy chiếu, màn chiếu trong phòng học	3,3	20,0	50,0	23,3	3,3	
6. Chất lượng của hệ thống âm thanh, ánh sáng trong phòng học	-	13,3	43,3	36,7	6,7	
7. Chất lượng của hệ thống bảng viết			-	26,7	50,0	23,3
8. Chất lượng thiết bị điều hòa không khí, quạt mát	3,3	-	56,7	33,3	6,7	
9. Đánh giá chung về chất lượng đáp ứng yêu cầu học tập của phòng học/giảng đường			-	43,3	50,0	6,7

36/. Đánh giá chất lượng đáp ứng của phòng thí nghiệm/máy tính theo các tiêu chí sau (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1. Công tác phục vụ của các cán bộ hướng dẫn thí nghiệm, kỹ thuật viên phòng máy tính	-	3,3	33,3	60,0	3,3	
2. Sự phù hợp của diện tích phòng thí nghiệm/máy tính so với số lượng sinh viên			-	40,0	53,3	6,7
3. Số lượng của thiết bị thí nghiệm/máy tính trong phòng đáp ứng yêu cầu học tập	3,3	3,3	56,7	30	6,7	
4. Chất lượng của thiết bị thí nghiệm/máy tính trong phòng	3,3	6,7	53,3	30	6,7	
5. Đánh giá chung về chất lượng đáp ứng yêu cầu học tập của phòng thí nghiệm/máy tính	-	1(3,3	46,7	43,3	6,7	

37/. Đánh giá các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ sinh viên theo các tiêu chí sau (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1. Mức độ thường xuyên của các hoạt động hỗ trợ học tập như seminar khoa học, tọa đàm, cuộc thi chuyên môn...	-	3,3	33,3	56,7	6,7	
2. Chất lượng của các hội thảo, seminar khoa học, cuộc thi chuyên môn dành cho sinh viên			-	53,3	33,3	13,3
3. Khả năng tiếp cận với các cơ hội việc làm	-	6,7	36,7	50,0	6,7	
4. Các hoạt động hỗ trợ cuộc sống sinh viên (tìm nhà trọ, các câu lạc bộ, các hoạt động ngoại khóa văn thể ...)	-	13,3	53,3	23,3	10,0	

38/. Đánh giá chất lượng hệ thống tư liệu phục vụ học tập theo các tiêu chí sau (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1. Tiện nghi trong các phòng đọc của thư viện			-	23,3	50,0	26,7
2. Hệ thống tra cứu tài liệu học tập tại thư viện			-	23,3	56,7	20,0
3. Hệ thống Internet phục vụ học tập và tra cứu tài liệu tại thư viện	3,3	3,3		30,0	43,3	20,0
4. Số lượng đầu sách, báo và tạp chí phục vụ học tập và nghiên cứu tại thư viện			-	33,3	56,7	10,0
5. Chất lượng của các tư liệu tại thư viện			-	23,3	63,3	13,3
6. Công tác phục vụ của cán bộ thủ thư tại thư viện			-	23,3	63,3	13,3
7. Đánh giá hiệu quả sử dụng thư viện của bạn	3,3	-		20,0	60,0	16,7

3.1.5- Ý kiến của giảng viên về chương trình đào tạo

39/. Mức độ đồng ý với chuẩn đầu ra và giải pháp thực hiện của Chương trình đào tạo Đại học ngành Kỹ thuật tàu thủy hiện đang được triển khai tại Khoa Kỹ thuật giao thông (tính theo %):

* Không đồng ý: 6,7%

* Không hoàn toàn đồng ý: 6,3%

* Đồng ý: **81,3%**

* Rất đồng ý: 6,3%

40/. Đánh giá về phương pháp giảng dạy và học tập của chương trình theo các tiêu chí sau (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	khá	Tốt
1. Phương pháp dạy và học khuyến khích được sinh viên chủ động tìm tòi kiến thức khoa học			-	6,3	62,5	31,3
2. Sinh viên được tạo điều kiện và hỗ trợ trong nghiên cứu khoa học			-	37,5	12,5	50,0
3. Khối lượng, nội dung lý thuyết và thực hành phù hợp với nhau			-	31,3	37,5	31,3

41/. Đánh giá về nội dung của chương trình theo các tiêu chí sau (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Sự phù hợp của nội dung từng môn học với đề cương đưa ra				-	43,8	56,3
2. Mức độ cập nhật thực tiễn của các môn học trong chương trình			-	18,8	56,3	25,0
3. Sự phù hợp của nội dung chương trình với mục tiêu ĐT			-	12,5	50,0	37,5
4. Tính tích hợp và liên ngành của chương trình đào tạo			-	18,8	43,8	37,5

42/. Đánh giá chất lượng đáp ứng của phòng học/ giảng đường theo các tiêu chí sau đây (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Công tác phục vụ của cán bộ kỹ thuật phòng học/giảng đường.		-	6,3	25,0	37,5	31,3
2. Sự phù hợp của diện tích phòng học so với quy mô lớp			-	6,3	75,0	18,8
3. Số lượng của bàn ghế trong phòng học đáp ứng yêu cầu học tập			-	6,3	37,5	56,3
4. Chất lượng của bàn ghế trong phòng học		-	6,3	12,5	43,8	37,5
5. Chất lượng hệ thống máy chiếu, màn chiếu trong phòng học		-	6,3	12,5	43,8	37,5
6. Chất lượng của hệ thống âm thanh, ánh sáng trong phòng học		6,3	6,3	18,8	31,3	37,5
7. Chất lượng của hệ thống bảng viết		-	-	12,5	25,0	62,5
8. Chất lượng thiết bị điều hòa không khí, quạt mát		6,3	6,3	25,0	43,8	18,8
9. Đánh giá chung về chất lượng đáp ứng yêu cầu giảng dạy của phòng học/giảng đường		-	6,3	6,3	37,5	50,0

43/. Đánh giá chất lượng đáp ứng của phòng thí nghiệm/máy tính theo các tiêu chí sau (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Công tác phục vụ của các cán bộ hướng dẫn thí nghiệm, kỹ thuật viên phòng máy tính (bao gồm kỹ năng giao tiếp, thái độ tận tình, sự hướng dẫn, kiên thức và kỹ năng chuyên môn)			-	25,0	62,5	12,5
2. Sự phù hợp của diện tích phòng thí nghiệm/máy tính so với số lượng sinh viên			-	31,3	62,5	6,3
3. Số lượng của thiết bị thí nghiệm/máy tính trong phòng đáp ứng yêu cầu học tập		6,3	6,3	43,8	31,3	12,5
4. Chất lượng của thiết bị thí nghiệm/máy tính trong phòng		-	12,5	31,3	37,5	18,8
5. Quy trình xây dựng và triển khai các bài tập/thí nghiệm...			-	31,3	50,0	18,8
6. Đánh giá chung về chất lượng đáp ứng yêu cầu học tập của phòng thí nghiệm/máy tính		-	6,3	31,3	50,0	12,5

44/. Những điểm trong công việc mong muốn đội ngũ cán bộ hỗ trợ (ở Phòng thí nghiệm, máy tính, Văn phòng ...) cải thiện (tính theo %):

* Thái độ nhiệt tình, chu đáo, tận tâm: 43,8%

* Nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn: **62,5%**

* Kỹ năng giao tiếp và trao đổi thông tin: 31,3%

* Xây dựng quy trình làm việc chuẩn: 43,8%

45/. Đánh giá chất lượng hệ thống tư liệu phục vụ giảng dạy và nghiên cứu theo các tiêu chí sau (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Tiện nghi trong các phòng đọc của thư viện			-	12,5	31,3	56,3
2. Hệ thống tra cứu tài liệu học tập tại thư viện			-	6,3	31,3	62,5
3. Hệ thống Internet phục vụ học tập và tra cứu tài liệu tại thư viện			-	18,8	31,3	50,0
4. Số lượng đầu sách, báo và tạp chí phục vụ học tập và nghiên cứu tại thư viện			-	18,8	31,3	50,0
5. Chất lượng của các tư liệu tại thư viện			-	12,5	68,8	18,8
6. Công tác phục vụ của cán bộ thủ thư tại thư viện			-	12,5	50,0	37,5
7. Đánh giá hiệu quả sử dụng thư viện			-	12,5	62,5	25,0

46/. Mức độ hài lòng về phương pháp đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đang áp dụng (tính theo %):

* Tạm hài lòng: 25%

* Hài lòng: **68,7%**

* Rất hài lòng: 6,3%

47/. Ý kiến về phương pháp đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đang áp dụng

Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Tốt, đảm bảo được tiêu chí đề ra	1
* Đánh giá tương đối chính xác	2
* Hợp lý	1
* Hài lòng	1
* Phương pháp đánh giá tạm hài lòng	1
* Đồng ý đánh giá theo 11 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục Đại học	1
* Đánh giá chủ yếu còn dựa trên cơ sở vật chất và chương trình hiện có, chưa có đột phá cũng như yêu cầu về đầu tư cho phù hợp theo nhu cầu đào tạo của thực tiễn	1
* Quý Khoa nên tổ chức buổi tọa đàm để giới thiệu về khoa, trường, chương trình đào tạo, hệ thống phòng thí nghiệm trước khi gửi phiếu khảo sát	1
* Cần cập nhật thêm các môn học mới	1

3.1.6- Ý kiến của phụ huynh về chương trình đào tạo

47/. Ý kiến về chuẩn đầu ra và giải pháp thực hiện của Chương trình đào tạo Đại học ngành Kỹ thuật tàu thủy hiện đang được triển khai tại Khoa Kỹ thuật giao thông (tính theo %):

* Đồng ý: **83,3%**

* Rất đồng ý: 16,7%

48/. Mức đánh giá chương trình đào tạo theo các tiêu chí (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1. Khối lượng kiến thức chuyên ngành nền tảng			-	16,7	66,7	16,7
2. Trang thiết bị phòng Thí nghiệm và thời lượng thực hành			-	16,7	33,3	50
3. Rèn luyện và trau dồi Kỹ năng mềm (Quản lý thời gian, giao tiếp, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm ...)			-	83,3	16,7	-
4. Khả năng tư duy phân tích, tổng hợp, phân biện			-	33,3	66,7	-
5. Khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tế			-	50	50	-
6. Khả năng tự nghiên cứu và làm việc độc lập			-	50	50	-

49/. Mức độ đánh giá cho mỗi câu nhận xét (tính theo %):

Câu nhận xét	Mức đánh giá	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
3.1. Chương trình đào tạo là phù hợp so với mức độ tiếp thu kiến thức và kỹ năng của sinh viên	Quá nặng			-	16,7	33,3	16,7	16,7	16,7	-		Quá nhẹ
3.2. Chương trình đào tạo cân bằng giữa tính lý thuyết và tính thực tế, ứng dụng	Quá thiên về lý thuyết, thiếu tính thực tế			-	33,3	50,0	-	16,7	-			Quá thiên về thực tế, ứng dụng, thiếu tính lý thuyết
3.3. Thời lượng và nội dung thực hành, thí nghiệm đủ cung cấp kỹ năng nghề nghiệp thực tế cho sinh viên	Quá thiếu, ít, không đủ			-	33,3	33,3	16,7	16,7	-			Quá thừa, nhiều
3.4. Sinh viên được hỗ trợ, tư vấn về học tập, phương pháp NCKH, tài liệu, bài giảng, giáo trình...	Không có					-	33,3	-	50,0	16,7	-	Rất tốt, đầy đủ
3.5. Sinh viên được hỗ trợ về thông tin hướng nghiệp	Không có						-	50,0	33,3	16,7	-	Rất tốt, đầy đủ
3.6. Sinh viên được trau dồi, rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc qua quá trình học tập	Không có			-	16,7	16,7	-	16,7	33,3	16,7	-	Rất tốt, đầy đủ
3.7. Sinh viên được định hướng nhận thức về các giá trị, bản thân, phát triển nhân cách, xây dựng lộ trình phát triển cá nhân	Không có			-	16,7	16,7	-	16,7	50,0	-		Rất tốt, đầy đủ

50/. Đánh giá về phương pháp giảng dạy và học tập của chương trình theo các tiêu chí (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Phương pháp dạy và học khuyến khích được sinh viên chủ động tìm tòi kiến thức khoa học				-	83,3	16,7
2. Sinh viên được tạo điều kiện và hỗ trợ trong nghiên cứu khoa học				-	66,7	33,3
3. Khối lượng, nội dung lý thuyết và thực hành phù hợp với nhau			-	33,3	16,7	50,0

51/. Đánh giá về nội dung của chương trình theo các tiêu chí (tính theo %):

Tiêu chí	Mức đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1. Sự phù hợp của nội dung từng môn học với đề cương đưa ra			-	16,7	50,0	33,3
2. Mức độ cập nhật thực tiễn của các môn học trong chương trình			-	16,7	50,0	33,3
3. Sự phù hợp của nội dung chương trình với mục tiêu đào tạo				-	33,3	66,7
4. Tính tích hợp và liên ngành của chương trình đào tạo			-	16,7	50,0	33,3

3.2- NHÓM Ý KIẾN GÓP Ý VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.2.1- Những góp ý của nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo

52/. Sinh viên và kỹ sư ngành Kỹ thuật tàu thủy cần được đào tạo thêm những tiêu chí dưới đây và các bộ phận đảm trách việc đào tạo:

TT	Tiêu chí	Không cần đào tạo (%)	Nhà trường (%)	Doanh nghiệp/Tổ chức (%)
1.	Kiến thức chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy	-	88,2	11,8
2.	Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp	-	62,5	37,5
3.	Kỹ năng mềm	6,2	56,3	37,5
4.	Khả năng ngoại ngữ	6,2	93,8	-
5.	Kỹ năng tin học và sử dụng máy vi tính	6,7	86,6	6,7
6.	Ý thức, thái độ và nhận thức về bản thân, công việc và xã hội	18,8	50,0	31,2

53/. Những kiến thức, kỹ năng mà SV tốt nghiệp từ Ngành Kỹ thuật tàu thủy (Trường ĐHTN) cần được bồi dưỡng thêm để đáp ứng yêu cầu công việc của đơn vị sử dụng:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Kiến thức ngoại ngữ – tiếng Anh chuyên ngành	6
* Kiến thức chuyên môn	2
* Chuyên môn về vật liệu đóng tàu	1
* Quy phạm tàu biển và luật	3

* Quy trình sản xuất	1
* Kỹ năng thực hành	2
* Kỹ năng nghiệp vụ	1
* Khả năng ứng dụng tin học trong công việc	2
* Khả năng lập kế hoạch, dự án	3
* Khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề	1
* Tính năng động sáng tạo	2
* Làm việc độc lập	1
* Kỹ năng mềm [<i>Khả năng làm việc nhóm (3)</i>]	2
* Ý thức trách nhiệm	2
* Hiểu biết thực tế và các vấn đề đương đại của ngành nghề	1
* Khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa dạng và hội nhập quốc tế	1
* Tổ chức quản lý điều hành	2

54/. Những góp ý khác nhằm mục đích nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp từ Ngành Kỹ thuật tàu thủy (Trường ĐHTT):

- * Đảm bảo chất lượng theo chuẩn đầu ra.
- * Cần đào tạo chuyên môn sâu hơn.
- * Đào tạo kiến thức thực tế, thiết kế, đóng tàu, sửa tàu, quản lí tàu.
- * Tạo điều kiện cho SV thực tập nhiều hơn để đảm bảo tay nghề.
- * Cần tập trung chuyên sâu vào các môn kỹ thuật liên quan.

55/. Những môn học chuyên ngành và kỹ năng mềm mà Nhà trường cần bổ sung thêm để phù hợp với nhu cầu công việc tại cơ quan, doanh nghiệp:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Tiếng Anh chuyên ngành	2
* Kỹ năng đàm phán và giải quyết trong công việc	1
* Kỹ năng mềm	1
* Quy trình sản xuất & tiêu chuẩn chuyên ngành	1
* Chuyên đề kỹ thuật	2
* Thiết kế	1

56/. Đề nghị của cơ quan, doanh nghiệp với Khoa Kỹ thuật giao thông - Trường Đại học Nha Trang:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Chú trọng đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng mềm.	2
* Tăng thời lượng thực hành	1
* Chú trọng đào tạo kiến thức chuyên ngành	1
* Tăng cường quản bá hình ảnh của khoa và nhà trường	1
* Đa phần sinh viên mới ra trường chưa hội nhập được vì thiếu thực tế	1

3.2.2- Những góp ý của cựu sinh viên về chương trình đào tạo

57/. Những môn học trong chương trình đào tạo của ngành học cần được tăng thêm thời lượng

Nội dung ý kiến	Số ý kiến	Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Vẽ kỹ thuật	2	* Cơ lý thuyết	1
* Nguyên lý máy	2	* Sức bền vật liệu	5
* Hình học họa hình	2	* Chi tiết máy	1
* Chế tạo máy	1	* Kỹ thuật vẽ tàu	2
* Thực hành chuyên ngành	27	* Lý thuyết tàu	5
* Kết cấu thân tàu	12	* Sức bền thân tàu	3
* Thiết kế tàu thủy (Thiết kế kết cấu, thiết kế công nghệ ...)	2	* Các môn chuyên ngành, có bổ sung thêm các giới thiệu về offshore	24
* Công nghệ đóng sửa tàu Phi kim loại	6	* Máy nâng chuyên	1
* Trang bị động lực	6	* Trang bị điện	2
* Thiết bị tàu thủy	1	* Máy khai thác	1
* Hàn vỏ tàu	2	* Sửa chữa hệ động lực	2
* Ngoại ngữ	16	* Tin học ứng dụng	3

58/. Những môn học trong chương trình đào tạo của ngành học cần được giảm bớt thời lượng:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến	Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Các môn đại cương	20	* Họa hình - Vẽ kỹ thuật	1
* Các môn xã hội	3	* Động cơ đốt trong	1
* Các môn cơ sở	5	* Kỹ thuật khai thác	1
* Các môn về chính trị	26	* Nguyên lý chi tiết máy	1
* Lý thuyết máy	2	* Vật liệu kỹ thuật	1
* Trang bị động lực	1		

59/. Những môn học trong chương trình đào tạo của ngành học là không cần thiết:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến	Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Các môn đại cương	1	* Các môn học chính trị	9
* Toán	1	* Quản trị doanh nghiệp	1
* Vật lý đại cương	2	* Tâm lý học	3
* Hóa đại cương	2	* Cơ chất lỏng	1
* Tiếng việt thực hành	1	* Khai thác máy	1
* Một số môn học lý thuyết cơ bản chuyên sâu	1	* Thử dục, quân sự	1

60/. Những môn học cần bổ sung mới trong chương trình đào tạo của ngành học:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến	Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Tiếng Anh chuyên ngành	14	* Thực hành thí nghiệm	1
* Các phần mềm chuyên ngành	3	* Autocad	2
* Các tiêu chuẩn dùng trong ngành đóng tàu	5	* Kỹ thuật an toàn trong môi trường đóng tàu	1
* Công ước quốc tế về tàu thủy: SOLAS, IMO	1	* Hệ thống quản lý chất lượng ISO	1
* Trang trí nội thất tàu thủy	1	* Tin học văn phòng (Excel)	1
* Môn giáo dục tư tưởng cho sinh viên	1	* Thực hành về Điện, Lạnh cho các chuyên ngành cơ khí	1
* Các chuyên môn về offshore	1	* Kỹ năng mềm	6
* Thực tập chuyên đề	1		

61/. Để SV tốt nghiệp từ Trường ĐHNT có thể đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động thì Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn đến những nội dung đào tạo và rèn luyện:

- * Kiến thức nền tảng: 56,8%
- * Kiến thức chuyên môn: 82,1%
- * Kiến thức về quản lý, điều hành: 53,1%
- * Kiến thức chung về văn hóa, xã hội: 32,7%
- * Hiểu biết thực tế và các vấn đề đương đại của ngành nghề: 50%
- * Kỹ năng nghiệp vụ, tay nghề chuyên môn: 67,9%
- * Khả năng sử dụng ngoại ngữ: 85,2%
- * Khả năng ứng dụng tin học: 71%
- * Khả năng giao tiếp, trình bày (nói, viết): 67,9%
- * Các hoạt động đoàn thể dành cho SV: 19,1%
- * Các hoạt động phục vụ cộng đồng dành cho SV: 23,5%
- * Các nội dung khác (xin cho biết cụ thể): 3,1%

62/. Những giải pháp dưới đây từ phía nhà trường và Doanh nghiệp giúp sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng:

- * Nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo: 47,5%
- * Nhà tuyển dụng tham gia đào tạo cùng nhà trường: 46,9%
- * Nhà tuyển dụng nhận sinh viên thực hành/thực tập: 65,4%
- * Nhà tuyển dụng cam kết với trường về việc tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp: 30,2%
- * Trường cập nhật thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của xã hội: 51,9%
- * Trường phối hợp với nhà tuyển dụng tổ chức seminar về nghề nghiệp cho sinh viên: 42,6%
- * Tăng thêm thời lượng thực tập/thực tế: 67,9%
- * Tăng thêm thời lượng thực hành/thí nghiệm: 56,32%
- * Tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức, thái độ và rèn luyện phẩm chất cá nhân: 32,1%

- * Bổ sung các khóa đào tạo kỹ năng mềm: 56,9%
- * Các hoạt động phục vụ cộng đồng dành cho sinh viên: 19,1%
- * Nhà trường tạo điều kiện cho sinh viên tham gia làm thêm tại các đơn vị tuyển dụng: 42,2%
- * Các nội dung khác (xin cho biết cụ thể): 4,3%

63/. Khả năng đóng góp của cựu SV trong những lĩnh vực để giúp Trường ĐHNT không ngừng phát triển hoạt động đào tạo và nghiên cứu:

- * Nhận SV đến thực tập ở cơ quan: 46,9%
- * Nhận SV tốt nghiệp đến làm việc ở cơ quan: 20,8%
- * Hỗ trợ học bổng cho SV: 20,8%
- * Kết hợp/hỗ trợ nghiên cứu khoa học: 31,5%
- * Báo cáo chuyên đề, trao đổi với SV: 37,7%
- * Nhận giảng viên đến cơ quan tìm hiểu thực tế: 20,8%
- * Khác: 9,2%

64/. Những góp ý khác nhằm mục đích nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp từ Trường ĐHNT:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Học lý thuyết phải đi đôi với thực hành để tăng khả năng suy luận của sinh viên, phát triển kỹ năng sinh viên	1
* củng cố động cơ, thái độ học tập	1
* Cần chú ý đi sâu vào các môn học chuyên ngành. Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành	1
* Cần đào tạo kiến thức cơ bản và tăng cường phối hợp với doanh nghiệp để sinh viên tham quan, thực tập	1
* Cần cho sinh viên tiếp cận với thực tế nhiều hơn	5
* Tăng thời gian thực hành	5
* Bố trí cho sinh viên thực tập nghề, thực tập tốt nghiệp tại các nhà máy đóng tàu lớn, liên doanh với nước ngoài để có cơ hội tìm hiểu và học hỏi	1
* Tăng thời gian thực tập tại các cơ quan doanh nghiệp liên quan đến ngành đóng tàu	8
* Cần đào tạo về kỹ năng thực hành	5
* Đưa một số quy trình sản xuất cụ thể tại nhà máy vào giảng dạy để sinh viên tiếp cận dần với thực tế	1
* Rèn luyện kỷ luật, đạo đức và đạo đức nghề nghiệp	1
* Khả năng giao tiếp	2
* Khả năng làm việc nhóm	3
* Cần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp độc lập cho sinh viên	1
* Rèn luyện tác phong công nghiệp	1
* Rèn luyện khả năng làm việc độc lập	2
* Rèn luyện cho sinh viên tính chủ động cao, tự nghiên cứu và phát triển tư duy trong quá trình học tập	1
* Rèn luyện kỹ năng sống	1
* Chú ý đào tạo kỹ năng mềm	11
* Sinh viên phải nắm vững kiến thức chuyên môn	1

* Sinh viên phải nhận thức được vai trò quan trọng của ngoại ngữ và tập trung học tập, sinh hoạt câu lạc bộ tiếng Anh	24
* Tổ chức seminar hướng nghiệp cho sinh viên đang theo học	1
* Sinh viên cần được tư vấn về việc làm trước khi tốt nghiệp	1
* Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên ngành trao đổi ý kiến vấn đề chuyên ngành cho SV	1
* Tổ chức diễn đàn thuyết trình trao đổi kinh nghiệm các thế hệ đi trước	1
* Phát triển mạng không dây Wifi mạnh hơn	1
* Tăng cường nội dung dạy tin học	6
* Giảng dạy phần mềm ứng dụng tin học	1
* Cần có những môn học về đọc bản vẽ và xây dựng 1 block cụ thể trên tàu để sv có thể dễ dàng hình dung và tiếp cận với các chi tiết, kết cấu của tàu...	1
* Cần thay đổi phương pháp giảng dạy, học tập	2
* Thường xuyên cập nhật kiến thức mới (chuyên ngành). Giới thiệu sâu rộng về chuyên ngành mà sinh viên đang theo học có hình ảnh thực tiễn	3
* Nâng cao chất lượng dạy và học bằng cách tăng cường đồ dùng dạy và học	1
* Tạo môi trường cho sinh viên tự nghiên cứu, phát huy sức sáng tạo của sinh viên	1
* Nhà trường cần đào tạo theo nhu cầu thực tế mà xã hội cần	1
* Tăng cường tác nghiên cứu khoa học	1
* Những đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài tốt nghiệp, nên sát với thực tiễn hơn nữa	1
* Các đề tài tốt nghiệp cần mang tính thực tiễn	2
* Kiểm soát chặt chẽ quá trình đào tạo, và siết chặt chất lượng đầu ra	1
* Đào tạo số lượng phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và nâng cao thêm chất lượng	1
* Tập trung đào tạo chuyên môn sâu, không cần đào tạo lan man, thường xuyên nắm bắt tình hình, sản phẩm đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội đến mức độ nào	4
* Lấy ý kiến và cập nhật nội dung giáo trình phù hợp yêu cầu thực tế công việc	1
* Nắm bắt yêu cầu của các doanh nghiệp để cải tiến chương trình đào tạo	1
* Lắng nghe những phản hồi từ cựu SV về chất lượng đào tạo, những góp ý liên quan	1
* Giữ liên lạc giữa cựu SV với nhà trường để nhận được sự đóng góp về công nghệ, yêu cầu của thị trường lao động giúp phát triển chương trình đào tạo	1
* Tăng thời lượng học	1

65/. Những việc Trường ĐHNT cần làm để phát huy tốt hơn vai trò của các Cựu sinh viên đối với Nhà trường:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Tạo đầu mối liên kết giữa Nhà trường – cựu sinh viên và giữa cựu sinh viên với nhau nhằm hỗ trợ nhau cùng phát triển (củng cố và phát triển hội cựu sinh viên ở các địa bàn)	11

* Tạo một đầu mối liên kết các cựu sinh viên và sinh viên mới có kết nối thường xuyên với nhau	1
* Tạo mạng lưới liên kết và thường xuyên kêu gọi cựu sinh viên tham gia các buổi tổ chức hội thảo	1
* Nên có sợi dây liên kết các Sinh Viên để trao đổi thông tin về tương lai nghề nghiệp cũng như cơ hội tìm kiếm việc làm cho tân sinh viên	1
* Giữ mối liên hệ giữa cựu SV với SV nhà trường	1
* Nhà trường cần làm cầu nối giúp cho sinh viên trong trường và cựu sinh viên có thể trao đổi kiến thức thực tiễn, và kinh nghiệm làm việc thực tế của các cựu sinh viên.	1
* Trường cần xây dựng cơ sở để các cựu sinh viên các khóa liên kết với nhau trong cuộc sống	1
* Liên kết hội sinh viên hỗ trợ việc làm Tổ chức các chuyên giao lưu, thuyết trình tại trường và các nhóm cựu sinh viên	1
* Giữ liên lạc với cựu SV, sinh hoạt giữa cựu SV và SV để trao đổi kinh nghiệm thực tế về chuyên ngành đang học	1
* Mỗi khoa là một nhịp cầu kết nối các thế hệ sinh viên lại với nhau	1
* Chủ động liên hệ, nắm bắt thông tin, nhu cầu bổ sung kiến thức từ cựu sinh viên vào chương trình công tác. Tổ chức tốt việc hợp tác	1
* Xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên	2
* Nhà trường, khoa cần tập hợp các danh sách cựu sinh viên thành đạt (xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên) và thường xuyên trao đổi những thông tin về trường từ đó các cựu sinh viên đóng góp những kinh nghiệm của mình cho trường, khoa	1
* Nhà trường cần liên lạc giới thiệu sinh viên các tỉnh để trao đổi thông tin thường xuyên hơn	1
* Trao đổi thông tin về mọi hoạt động của Nhà trường/Khoa đến cựu sinh viên	5
* Giữ liên lạc trao đổi thông tin trong tất cả lĩnh vực đào tạo và công việc	1
* Cần làm tốt công tác truyền thông tất cả các hoạt động của nhà trường đến các cựu sinh viên	1
* Tạo quan hệ thông tin thường xuyên	1
* Liên lạc tạo cơ hội trao đổi, gửi sinh viên thực tập, giới thiệu việc làm	1
* Trao đổi thông tin, nắm chắc thông tin để liên hệ với cựu sinh viên, hỗ trợ trong từng lĩnh vực để giúp đỡ và tạo điều kiện, môi trường cho cựu sinh viên hoạt động	1
* Mỗi khoa nên có một tổ chức hoặc nhóm để liên kết giữa cựu sinh viên và ban chủ nhiệm nhằm để làm kênh thông tin trung gian hỗ trợ sinh viên	2
* Đề tài nghiên cứu của cựu sinh viên ở trình độ thạc sỹ, tiến sỹ cần được Nhà trường tạo điều kiện gắn với thực tế nơi cựu sinh viên đang công tác	1
* Tạo kênh thông tin liên lạc – trang thông tin điện tử, trao đổi qua email, forum, facebook, ... để góp ý, trao đổi kinh nghiệm, kiến thức và gắn kết mối quan hệ giữa Cựu SV và Nhà trường, cũng như hỗ trợ, hợp tác giữa Nhà trường – cựu sinh viên và cựu sinh viên – cựu sinh viên	7

* Tạo thêm trang thông tin hoặc diễn đàn để các cựu sinh viên có thể dễ dàng liên hệ với nhau qua đó có thể phát huy vai trò hơn	1
* Có những sân chơi, những Forum, Face Book, mọi người kết nối dễ dàng qua hệ thống internet mà không phải di chuyển nhiều	1
* Thành lập trang thông tin điện tử về diễn đàn từng chuyên ngành	1
* Thành lập các diễn đàn để trao đổi kinh nghiệm, kiến thức và gắn kết mối quan hệ giữa Cựu SV và Nhà trường	1
* Mỗi khoa cần xây dựng trang facebook	1
* Cần có 1 trang Web để các cựu sinh viên có thể thường xuyên gặp gỡ, trao đổi thông tin, đóng góp cho nhà trường và cá nhân	1
* Có chương trình cụ thể hàng năm để giao lưu gặp gỡ các cựu sinh viên ở các khu vực để có thêm thông tin hướng nghiệp (nhu cầu và yêu cầu chất lượng nhân lực)	1
* Tổ chức giao lưu định kỳ với cựu sinh viên	26
* Cần tổ chức nhiều buổi họp mặt tọa đàm nhằm có sự gắn kết giữa các cựu sinh viên với nhà trường, từ đó các cựu SV có nhiều điều kiện hỗ trợ nhà trường	1
* Đăng kí tổ chức giao lưu trao đổi với nhà trường và các cựu sinh viên đang công tác tại các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp	1
* Tổ chức giao lưu học tập kinh nghiệm và cùng nhau phát triển	1
* Thường xuyên định kì tổ chức các cuộc gặp gỡ để phát huy tốt vai trò được tốt hơn	1
* Phải thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, họp mặt, xây dựng tinh thần đoàn kết của cựu sinh viên và nhà trường	1
* Thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu với các cựu sinh viên	1
* Thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu với cựu sinh viên. Đưa ra nhiều đề tài nghiên cứu thực tế để các cựu sinh viên hỗ trợ phù hợp với ngành nghề đang công tác. Khuyến khích các sinh viên học tốt bằng cách hỗ trợ học bổng	1
* Tích cực giao lưu với cựu sinh viên	1
* Tổ chức trao đổi kinh nghiệm, tuyển dụng cựu sinh viên về làm công tác giảng dạy	1
* Tổ chức họp khóa hàng năm nhằm trao đổi thông tin giữa cựu Sv với nhà trường	1
* Tích cực tổ chức giao lưu với các cựu sinh viên nhằm mục đích gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm	1
* Phải thường xuyên tổ chức tham gia các cuộc gặp gỡ với các cựu sinh viên và nhà trường, tạo điều kiện để cựu sinh viên để có thể tham gia hoặc hỗ trợ trong các hoạt động học tập	1
* Hằng năm tổ chức giao lưu gặp mặt các cựu sinh viên	1
* Cựu sinh viên từng học tại trường ĐHTT có rất rất nhiều người thành công và có địa vị trong xã hội. Nên việc giữ liên lạc là rất có lợi cho công tác đào tạo và tìm hiểu thị trường, nhu cầu việc làm để định hướng nghề nghiệp, tạo đam mê học tập cho sinh viên tại trường. Mỗi khoa là một nhịp cầu kết nối các thế hệ sinh viên lại với nhau. Vì thế nhà trường nên có những chính sách hỗ trợ các khoa liên hệ với các cựu sinh viên. Ví dụ như: tạo điều kiện để khoa tổ chức những buổi tọa đàm, hội thảo, tư vấn về nghề nghiệp và giao lưu với sinh viên. Để từ đó tiếp cận thêm những thông tin mới về ngành	1

nghề mình đang giảng dạy và làm cầu nối giữa sinh viên và cựu sinh viên	
* Tổ chức giao lưu gặp gỡ giữa cựu sinh viên với nhà trường, thành lập hội cựu sinh viên nhà trường để chia sẻ và hợp tác, giúp đỡ	1
* Thường xuyên tổ chức gặp mặt để đóng góp các ý kiến trong thực tế	1
* Phải thường xuyên tổ chức tham gia các cuộc gặp gỡ với cựu sinh viên và nhà trường, tạo điều kiện để cựu sinh viên tham gia	1
* Tăng cường giao lưu giữa nhà trường với sinh viên thông qua chi hội sinh viên trên toàn quốc và quốc tế. Làm cầu nối giữa cựu sinh viên để hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau	1
* Tổ chức giao lưu khảo sát thông tin về chương trình đào tạo (nội dung như của phiếu này)	1
* Tổ chức giao lưu giữa cựu sinh viên với sinh viên đầu khóa và sinh viên đang học	9
* Mời các sinh viên tốt nghiệp về trao đổi, giao lưu với các sinh viên đang học để định hướng tốt hơn về nghề nghiệp	1
* Cựu sinh viên về lại trường tham gia truyền đạt kinh nghiệm thực tế cần thiết giúp cho sinh viên củng cố động lực học tập tốt hơn	1
* Tổ chức gặp mặt các cựu SV với SV nhà trường giúp định hướng việc học tập của SV, trao đổi kiến thức chuyên ngành	1
* Tổ chức giao lưu gặp mặt giữa cựu SV và SV	1
* Có thể tổ chức các buổi giao lưu giữa cựu sinh viên các khóa và sinh viên để trao đổi kinh nghiệm cũng như kiến thức	1
* Nhà trường có thể tổ chức các buổi gặp mặt giữa SV và cựu SV vào các buổi chiều cuối tuần để cựu SV có thể chia sẻ những kiến thức thực tế và làm công tác tư tưởng cho các em có động lực để học tốt hơn	1
* Giao lưu trao đổi kiến thức và kinh nghiệm thực tế và những yêu cầu kiến thức đối với ngành, những thứ thiếu và dư...	1
* Thường xuyên liên lạc, cập nhật các thông tin về nhu cầu tuyển dụng và yêu cầu chất lượng đào tạo, môi trường thực tập cho sinh viên	1
* Khoa có thể mời các anh cựu SV có kinh nghiệm và vị trí trong xã hội ngành dầu khí và tàu biển về trường nói chuyện với các em sinh viên đang học ngành này	1
* Tổ chức các hội thảo đánh giá kết quả đầu ra và tỉ lệ SV có được việc làm sau khi tốt nghiệp - Những đề tài tốt nghiệp đòi hỏi phải giúp ích được trong cuộc sống, phải thực tế và góp phần cải tiến trong công nghệ	1
* Nhà trường nên tổ chức các buổi hội thảo chuyên ngành cho các sinh viên đang học có sự tham dự của các sinh viên đi làm. Nhà trường tổ chức các buổi giao lưu cho các cựu sinh viên và nhà trường	1
* Tổ chức nhiều hội thảo chuyên ngành cho sinh viên	1
* Tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề, trao đổi với sinh viên (nội dung bám sát thực tế). Kết hợp hỗ trợ nghiên cứu khoa học với SV (ứng dụng ngay vào thực tế)	1
* Khuyến khích cựu SV về giới thiệu cho SV trường các kiến thức chuyên ngành thực tế mới du nhập	1
* Tổ chức giao lưu gặp mặt trao đổi thông tin về công việc, định hướng chương trình đào	9

tạo chuẩn đầu ra cho SV	
* Tổ chức các buổi hội thảo, góp ý từ cựu sinh viên với nhà trường	1
* Tổ chức khảo sát lấy ý kiến về chương trình đào tạo ngành	1
* Tổ chức cáo hội thảo chuyên ngành để các cựu sinh viên gặp gỡ trao đổi thông tin, công việc	1
* Tổ chức hội thảo góp ý từ cựu SV với nhà trường, liên hệ chặt chẽ giữa cựu SV với Nhà trường về các thông tin việc làm, kiến thức thực tế để truyền đạt cho SV tốt nghiệp cũng như SV đang theo học	1
* Tổ chức các hội thảo kêu gọi sinh viên cùng tham gia cùng phát triển nghề nghiệp của sinh viên mới	1
* Thông qua việc đánh giá như chương trình này	1
* Tổ chức báo cáo, đánh giá tình hình thực tế trong ngành	1
* Cần tập trung đào tạo chuyên sâu	1

66/. Các ý kiến khác:

- * Đào tạo quá rộng ít tận dụng chuyên ngành.
- * Cần đồng bộ các môn học giữa trường ta với các trường khác để sau sinh viên muốn học cao học khỏi phải học bổ sung.
- * Ngành "KS cơ khí động lực tàu thủy" nghe không phù hợp.
- * Giao tiếp với các thầy giáo, giáo viên nước ngoài.
- * Cần kiểm tra kiến thức chuyên ngành từng sinh viên, đạt chuẩn mới cho ra trường.
- * Cần áp dụng cách dạy Tiếng Anh kết hợp với kiến thức chuyên môn.

3.2.3- Những góp ý của sinh viên mới tốt nghiệp về chương trình đào tạo

67/. Để SV tốt nghiệp từ Trường ĐHTT có thể đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động thì Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn đến những nội dung đào tạo và rèn luyện:

- * Kiến thức nền tảng: 80%.
- * Kiến thức chuyên môn: 80%.
- * Kiến thức về quản lý, điều hành: 60%.
- * Kiến thức chung về văn hóa, xã hội: -
- * Hiểu biết thực tế và các vấn đề đương đại của ngành nghề: 40%.
- * Kỹ năng nghiệp vụ, tay nghề chuyên môn: 60%
- * Khả năng sử dụng ngoại ngữ: 100%.
- * Khả năng ứng dụng tin học: 80%.
- * Khả năng giao tiếp, trình bày (nói, viết): 80%.
- * Các hoạt động đoàn thể dành cho SV: 60%.
- * Các hoạt động phục vụ cộng đồng dành cho SV: 20%.

68/. Những góp ý khác nhằm mục đích nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp từ Trường ĐHTT:

Nội dung ý kiến	Số ý kiến	Nội dung ý kiến	Số ý kiến
* Chú trọng ngoại ngữ, nhất là về tiếng Anh giao tiếp	3	* Giảng dạy ngoại ngữ tập trung bắt buộc, không nên để SV tự lo	1
* Duy trì và thay đổi phương pháp nội dung của câu lạc bộ tiếng Anh	1	* Hoàn thiện chương trình đào tạo linh hoạt, sâu sát với thực tế của ngành	1
* Tin học	2	* Kỹ năng mềm	1
* Khả năng quản lý	1	* Kỹ năng giao tiếp	1

3.2.4- Những góp ý của sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo

69/. Các góp ý:

- * Tổ chức cho sinh viên được đi thực tế nhiều hơn (3 ý kiến) - tới các cơ sở sản xuất để tiếp thu, củng cố những kiến thức đã được học và tiếp cận những kiến thức thực tế.
- * Đưa Tiếng Anh chuyên ngành vào giảng dạy (Tiếng Anh rất quan trọng và ứng dụng rất nhiều cho công việc sau này khi tốt nghiệp).

3.2.5- Những góp ý của giảng viên về chương trình đào tạo

70/. Các góp ý:

- * Chú trọng các học phần có thực hành, thực tập
- * Kinh phí thực hành, thực tập phải phù hợp với mục tiêu học phần.
- * Nội dung các học phần đại cương phải đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành.
- * Giảm bớt các học phần hoặc nội dung trong học phần không quá cần thiết trong chương trình đào tạo để dành nhiều khối lượng hơn cho khối kiến thức chuyên ngành.
- * So sánh, đánh giá các tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo ngành kỹ thuật với các tiêu chuẩn chất lượng của Châu Âu, Mỹ.

3.2.6- Những góp ý của phụ huynh về chương trình đào tạo

71/. Cần tăng cường quảng bá ngành Kỹ thuật tàu thủy qua chất lượng đào tạo và thể hiện rõ ở khả năng thực hành nghề nghiệp.

IV. NHẬN XÉT CHUNG

- Những người tham gia khảo sát rất có trách nhiệm.
- Nhiều thông tin nhận được trùng khớp với sự cảm nhận của nhiều người làm công tác giảng dạy.
- Do muốn biết nhiều thông tin nên trong phiếu khảo sát có một số tiêu chí không liên quan mấy đến chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, khiến cho phiếu khảo sát trở nên “nặng nề”. Đồng thời, một số tiêu chí không phù hợp với đối tượng khảo sát.
- Người tham gia khảo sát không có điều kiện tiếp cận chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy (giảng viên ở trường khác, phụ huynh, ...) nên gặp khó khăn trong việc lựa chọn phương án ở các tiêu chí. Do đó, một số lựa chọn thiếu chính xác.
- Những người đại diện doanh nghiệp tham gia khảo sát đều là cựu sinh viên ngành kỹ thuật tàu thủy Trường Đại học Nha Trang nên ít nhiều ảnh hưởng đến tính khách quan.

- Số cựu sinh viên tham gia khảo sát có thâm niên trên 10 năm chiếm 34% trong khi sau nhiều thay đổi, chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy mới được xây dựng gần đây nên họ không thể có ý kiến ở các tiêu chí về việc thêm, bớt thời lượng cũng như môn học.
- Cựu sinh viên rất quan tâm đến chất lượng đào tạo.
- Số sinh viên mới tốt nghiệp và giảng viên tham gia khảo sát còn quá ít nên độ tin cậy thấp.
- Giảng viên tham gia khảo sát được mở rộng cả ở trường ĐH khác trong khi một số tiêu chí không phù hợp do họ không có điều kiện tiếp cận thực tế của trường ĐH Nha Trang nên một số đánh giá chưa thật tin cậy).
- Ý kiến đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng của các SV tốt nghiệp từ Ngành Kỹ thuật tàu thủy cao nhất là ở mức khá, đạt trên 50%. Chất lượng chung của kỹ sư Kỹ thuật tàu thủy có tỷ lệ đánh giá cao nhất là ở mức Khá với 47,4%. Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật tàu thủy của Khoa Kỹ thuật giao thông - Trường Đại học Nha Trang có tỷ lệ đánh giá cao nhất là mức ngang bằng (58,8%) so với một số chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy tương tự của các trường Đại học khác. Có thể nói SV tốt nghiệp từ Ngành Kỹ thuật tàu thủy còn yếu nhiều về ngoại ngữ, kỹ năng mềm và một số mặt về khả năng thích ứng.
- Phần lớn các tiêu chí được cựu sinh viên và sinh viên mới tốt nghiệp đánh giá từ mức trung bình trở lên.

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

5.1. Về chương trình đào tạo

- 1/- Tăng cường thời gian đào tạo thực hành, rèn kỹ năng vẽ kỹ thuật và đọc bản vẽ.
- 2/- Hướng dẫn sử dụng các phần mềm trong thiết kế.
- 3/- Tăng cường đào tạo năng lực ngoại ngữ và ngoại ngữ chuyên ngành (tiếng Anh chuyên ngành).
- 4/- Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm (các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng lãnh đạo, ...)

5.2. Về điều kiện tiếp nhận thông tin cần thiết phản hồi từ người học và cựu sinh viên và người sử dụng sản phẩm đào tạo

- 1/ Lập cơ sở dữ liệu cựu sinh viên.
- 2/ Củng cố Hội cựu sinh viên và nghiên cứu hỗ trợ để có phương thức hoạt động hiệu quả, thu hút đông đảo cựu sinh viên tham gia.
- 3/ Tăng cường công tác thông tin đến cựu sinh viên, tạo cho họ niềm tự hào về trường.
- 4/ Thường xuyên tổ chức giao lưu giữa Nhà trường – cựu sinh viên nhằm trao đổi về các vấn đề giúp họ nâng cao trình độ, hợp tác nghiên cứu giải quyết các yêu cầu trong thực tiễn sản xuất. Qua đó, dần tiếp cận thông tin phản hồi về chất lượng đào tạo của sinh viên tốt nghiệp từ trường Đại học Nha Trang, những đòi hỏi của người sử dụng lao động về sản phẩm đào tạo, và những ý kiến, kiến nghị của cựu sinh viên (người trong cuộc) về chất lượng đào tạo.
- 5/ Định kỳ tổ chức hội thảo về chất lượng đào tạo giữa Nhà trường – cựu sinh viên nhằm trao đổi tìm giải pháp cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức giảng dạy – học tập hợp lý hơn trên cơ sở tiếp nhận thông tin phản hồi từ người sử dụng lao động và chính cựu sinh viên về chất lượng đào tạo của sinh viên tốt nghiệp từ trường Đại học Nha Trang: những đánh

giá về chất lượng sinh viên tốt nghiệp, những đòi hỏi của người sử dụng lao động về sản phẩm đào tạo, những ý kiến, kiến nghị của chính cựu sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, ...

- 6/ Thường xuyên tổ chức giao lưu giữa cựu sinh viên – sinh viên nhằm giúp củng cố/tao động lực (“truyền lửa”) cho sinh viên, trao đổi các vấn đề về kinh nghiệm học tập, hướng nghiệp, tìm việc làm về sau, động viên, khuyến khích sinh viên học tập tốt. Đồng thời có thể giới thiệu cập nhật một số tiến bộ kỹ thuật – công nghệ được áp dụng trong thực tế sản xuất.
- 7/ Định kỳ tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo với số tiêu chí vừa phải và sát thực, chương trình & kế hoạch triển khai được xây dựng với sự cân nhắc kỹ.

Những thông tin đánh giá, góp ý từ các bên liên quan thu nhận được trên đây là cơ sở quý báu giúp **Hội đồng** nghiên cứu, tiếp thu, điều chỉnh & cập nhật để hoàn thiện chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai. Giáo trình phương pháp điều tra khảo sát: Nguyên lý và thực tiễn. Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Phiếu khảo sát CĐR và CTĐT ngành KTTT.

KẾT QUẢ RÀ SOÁT, CẬP NHẬT CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT TÀU THỦY

TS Huỳnh Văn Vũ – Khoa Kỹ thuật giao thông

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện quy định về xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 218/QĐ-ĐHNT ngày 17/3/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang, đến định kỳ năm học 2015 – 2016 nhà trường tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các ngành, dựa trên một số hướng dẫn sau:

- Căn cứ tự đánh giá:

+ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ giáo dục đào tạo.

+ Chuẩn kiểm định CTĐT của Việt Nam và Khu vực Đông Nam Á, AUN.

+ Quyết định 65/QĐ-ĐHNT ngày 22/01/2016 về việc thành lập các tổ cập nhật chương trình đào tạo của Hiệu trưởng trường Đại học Nha Trang, tổ cập nhật ngành Kỹ thuật tàu thủy gồm 8 thành viên.

+ Phản hồi của các bên liên quan: các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, phụ huynh, sinh viên, ...

+ Kinh nghiệm đào tạo của ngành trong những năm qua.

+ Tham khảo CĐR và CTĐT của các trường cùng ngành có uy tín trong nước và quốc tế.

- Một số định hướng về cấu trúc CĐR và CTĐT:

+ Đối với CĐR:

Theo hướng dẫn của thông báo số 789/TB-ĐHNT ngày 30/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.

+ Đối với CTĐT:

- *Khối lượng kiến thức toàn khóa tối đa 155 tín chỉ, thời gian đào tạo 4 năm.*
- *Bổ sung thêm các học phần: tiếng Anh chuyên ngành (3 tc), bổ sung 1 tc cho thực hành tại trường, bổ sung 2 tc về kỹ thuật xây dựng, đọc bản vẽ và tin học chuyên ngành, chuyển một số học phần tự chọn thành bắt buộc. Đối với học kỳ 8, chọn phương án hoặc làm đồ án tốt nghiệp (10 tc) hoặc làm hai chuyên đề tốt nghiệp (5 + 5 tc) hoặc học bổ sung 5 học phần tự chọn (10 tc).*

Sau một thời gian thực hiện, đến nay chúng tôi xin trình bày kết quả làm việc của tổ cập nhật theo cấu trúc đã được hướng dẫn.

2. NỘI DUNG CẬP NHẬT CDR VÀ CTĐT NGÀNH KỸ THUẬT TÀU THỦY

(Toàn bộ nội dung phần này được trình bày theo mẫu CTĐT của Trường ĐHTT)

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo

Tiếng Việt : Kỹ thuật tàu thủy

Tiếng Anh : Naval Architecture and Marine Engineering

I.2. Tên ngành : Mã số:

I.3. Trình độ đào tạo : Đại học

I.4. Hình thức đào tạo : Chính quy

I.5. Định hướng đào tạo : Ứng dụng

I.6. Thời gian đào tạo : 4 năm

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa : 155 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)

I.8. Khoa/viện quản lý : Kỹ thuật giao thông

I.9. Giới thiệu về chương trình

Chương trình ngành kỹ thuật tàu thủy trang bị cho người học những kiến thức về thiết kế, đóng mới, sửa chữa tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau. Sau khi học tập người học có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để có thể tiếp cận ngay được công việc tại các cơ sở thiết kế, đóng mới, sửa chữa tàu thủy hoặc các cơ sở có liên quan đến ngành kỹ thuật tàu thủy.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

II.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học Kỹ thuật tàu thủy nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức và các kỹ năng cần thiết nhằm phát triển con người toàn diện và đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực thiết kế, đóng mới, sửa chữa tàu thủy nói chung và cơ khí tàu thuyền nghề cá nói riêng, đáp ứng nhu cầu xã hội.

II.2. Mục tiêu cụ thể

1. Có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp trong việc tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

2. Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về khoa học cơ bản, xã hội và nhân văn. Có kiến thức cơ sở ngành thích hợp và có kiến thức chuyên môn sâu về thiết kế, đóng sửa thân tàu, máy và thiết bị tàu, ... Có kiến thức tin học và tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật tàu thủy đáp ứng yêu cầu công việc.

3. Về kỹ năng: Sinh viên ngành kỹ thuật tàu thủy có kỹ năng thực hiện các công việc về cơ khí cơ bản, về tính toán thiết kế các loại tàu thông dụng, về công nghệ đóng sửa thân tàu thủy, về lắp đặt, sửa chữa hệ động lực và thiết bị tàu thủy, đặc biệt tàu nghề cá.

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn, sức khỏe

- A.1. Có lập trường chính trị tư tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết và thực hiện các giá trị đạo đức. Có ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc và lợi ích của tập thể, bảo vệ môi trường; chủ động, tự tin và dám chịu trách nhiệm trong công việc.
- A.2. Có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực và sức khỏe. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao; tinh thần cầu tiến, hợp tác với các cá nhân khác trong công việc.

B. Kiến thức

- B.1. Có hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị, quân sự; hình thức được thể hiện quan và phương pháp luận khoa học để làm cơ sở cho việc tiếp cận, lĩnh hội các vấn đề chuyên môn và thực tiễn; có hiểu biết cơ bản về thể dục thể thao và phương pháp rèn luyện sức khỏe.
- B.2. Hiểu và áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, toán và khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc ngành đào tạo.
- B.3. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở như: vật liệu học, cơ học ứng dụng, vẽ kỹ thuật tàu, nguyên lý - chi tiết máy, điện, ... để học tốt các kiến thức chuyên môn của ngành kỹ thuật tàu thủy.
- B.4. Hiểu và áp dụng được các phương pháp tính toán tính năng của tàu thủy, tính toán thiết kế kết cấu tàu thủy, ... phục vụ công tác thiết kế tàu bằng các loại vật liệu khác nhau.
- B.5. Hiểu và áp dụng được công nghệ đóng sửa phần thân tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau.
- B.6. Hiểu và áp dụng được phương pháp lắp đặt, sửa chữa hệ thống máy và thiết bị tàu thủy.

C. Kỹ năng

- C.1. Tham gia thiết kế, xét duyệt thiết kế các loại tàu thủy thông dụng bằng các vật liệu khác nhau, đặc biệt là tàu đánh cá.
- C.2. Lập kế hoạch thi công, giám sát, kiểm tra, quản lý chất lượng quá trình đóng mới và sửa chữa phần thân tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau.
- C.3. Tham gia lắp đặt, sửa chữa, kiểm tra, giám sát quá trình thi công phần máy và thiết bị tàu thủy.
- C.4. Sử dụng được phần mềm chuyên dụng trong thiết kế, thi công đóng mới và sửa chữa tàu thủy.

C.5. Có kỹ năng tư duy, sáng tạo; kỹ năng giao tiếp, lập luận, thuyết trình, phản biện và làm việc nhóm; kỹ năng rèn luyện sức khỏe.

C.6. Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ bậc 2 trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn.

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia làm việc tại:

1. Cơ sở thiết kế, đóng mới, sửa chữa tàu thủy.
2. Cơ sở sản xuất thiết bị phụ trợ của ngành công nghiệp tàu thủy.
3. Cơ quan đăng kiểm tàu thủy.
4. Cơ quan tư vấn, giám sát, bảo hiểm, giám định chất lượng tàu thủy.
5. Cơ sở đào tạo liên quan đến ngành Kỹ thuật tàu thủy.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Kiến thức giáo dục đại cương	60	38,7	48	31,0	12	7,7
- Khoa học xã hội và nhân văn	20	12,9	14	9,0	6	3,9
- Giáo dục thể chất và QP-AN	11	7,1	9	5,8	2	1,3
- Toán và khoa học tự nhiên	21	13,5	17	11,0	4	2,6
- Ngoại ngữ	8	5,2	8	5,2	0	0,0
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	61,3	79	51,0	16	10,3
- Kiến thức cơ sở ngành	36	23,2	30	19,4	6	3,9
- Kiến thức ngành	59	38,1	49	31,6	10	6,5
Cộng	155	100,0	127	81,9	28	18,1

IV.2. Đối tượng tuyển sinh:

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu đủ điều kiện sau đây đều có thể dự thi vào ngành Kỹ thuật tàu thủy. Cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung cấp;
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, THCN&DN số 10/TT - LB ngày 18/8/1989 và Công văn hướng dẫn 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ GDĐT.

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Theo Quyết định số 612/2009/QĐ-ĐHNT ngày 29/4/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang.

IV.4. Nội dung chương trình đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Mã số/ Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		60				
I. Khoa học xã hội và nhân văn		20				
<i>I.1. Các học phần bắt buộc</i>		14				
1	Những Nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1 <i>Fundamental principels of Marxism-Leninism 1</i>	2	30			A1,A2,B1
2	Những Nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2 <i>Fundamental principels of Marxism-Leninism 2</i>	3	45			A1,A2,B1
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản VN <i>Revolutionary Policies of Vietnamese Communist Party</i>	3	45		1,2	A1,A2,B1
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	30		3	A1,A2,B1
5	Pháp luật đại cương <i>Fundamentals of Law</i>	2	30			A1,A2
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm <i>Communication Skills and Team works</i>	2	30			C5
<i>I.2. Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 5 hp)</i>		6				
7	Tâm lý học đại cương	2	30			B2,C5
8	Kinh tế học đại cương	2	30			B2
9	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	30			B2,C5
10	Nhập môn quản trị học	2	30			B2,C5
11	Lôgic học đại cương	2	30			B2,C5
II. Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh		11				
<i>II.1. Các học phần bắt buộc</i>		9				
12	Điền kinh	1	15			A2,B1,C5
13	Đường lối quân sự của ĐCS Việt Nam	3	45			B1

14	Công tác quốc phòng - an ninh	2	30			B1
15	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và CKC	3	45			B1
II.2. Các học phần tự chọn		2				
16	Bóng đá	1	15			A2,B1,C5
17	Bóng chuyền	1	15			A2,B1,C5
18	Cầu lông	1	15			A2,B1,C5
19	Võ thuật	1	15			A2,B1,C5
20	Boi lội	1	15			A2,B1,C5
III. Toán và khoa học tự nhiên		21				
III.1. Các học phần bắt buộc		17				
21	Đại số tuyến tính <i>Linear Algebra</i>	2	30			B2
22	Giải tích <i>Mathematical Analysis</i>	3	45		21	B2
23	Lý thuyết xác suất và thống kê toán <i>Probability theory and mathematical statistics</i>	3	45		21,22	B2
24	Tin học cơ sở <i>General Informatics</i>	2	30			B2,C6
25	Thực hành tin học cơ sở	1		15		B2,C6
26	Vật lý đại cương <i>General Physics</i>	3	45			B2
27	Thực hành vật lý đại cương	1		15	26	B2
28	Con người và môi trường	2	30			A1,B2
III.2. Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 3 hp)		4				
29	Biến đổi khí hậu	2	30			A1,B2
30	Hóa đại cương	3	45			B2
31	Thực hành hóa đại cương	1		15		B2
IV. Ngoại ngữ		8				
32	Tiếng Anh 1 <i>English Language 1</i>	4	30	30		C6
33	Tiếng Anh 2 <i>English Language 1</i>	4	30	30		C6

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		95				
I. Kiến thức cơ sở ngành		36				
<i>I.1. Các học phần bắt buộc</i>		30				
34	Nhập môn Kỹ thuật tàu thủy	2	30			A2,B2,C5
35	Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật <i>Descriptive Geometry – Engineering Drawing</i>	3	30	15		B2,B3
36	Cơ học lý thuyết <i>Theoretical Mechanics</i>	3	35	10	22,26	B3
37	Sức bền vật liệu <i>Strength of Materials</i>	3	40	5	36	B3
38	Cơ lưu chất <i>Hydromechanics</i>	3	40	5	26	B3
39	Vật liệu kỹ thuật <i>Engineering Materials</i>	2	30		30	B3
40	Nguyên lý chi tiết máy <i>Theory of Mechanisms and Machines</i>	3	45		36,37	B3
41	Kỹ thuật điện <i>Electrical Engineering</i>	2	20	10	26	B3
42	Kỹ thuật vẽ tàu <i>Ship Drawing</i>	4	30	30	35,52	B3
43	Kỹ thuật an toàn ngành KTTT	2	30			A1,A2,B2
44	Thực tập Cơ khí <i>Mechanical Workshop Practice</i>	3	6 tuần		35,39	A1,A2,C5
<i>I.2. Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 6 hp)</i>		6				
45	Phương pháp số trong cơ học <i>Numerical Methods in Mechanics</i>	2	30		37	B2,B3
46	Phương pháp phần tử hữu hạn <i>Finite Element Methods</i>	2	30		22	B2,C6
47	Dung sai lắp ghép và Kỹ thuật đo <i>Tolerances, Fits, and Engineering Metrology</i>	2	30		40	B3
48	Máy nâng chuyển <i>Crane Machinery</i>	2	30		37	B6,C3
50	Ăn mòn trong kết cấu tàu thủy <i>Corrosion in ship structures</i>	2	30		39	B2,B3,B5 C2

51	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	2	30			B2,C5
	Kỹ thuật thủy khí	2	30		38	B3
II. Kiến thức ngành		59				
<i>II.1. Các học phần bắt buộc</i>		<i>49</i>				
52	Lý thuyết tàu thủy <i>Ship Theory</i>	4	45	15	36,38	B4,C1
53	Kết cấu – Sức bền tàu thủy <i>Ship Structures and Strengths</i>	3	45		52	B4,C1
54	ĐAMH Kết cấu – Sức bền tàu thủy	1		15	53	B4,C1,C5
55	Động cơ đốt trong tàu thủy <i>Principle of Internal Combustion Engines</i>	3	45			B3,B6,C3
56	Thiết bị năng lượng tàu thủy <i>Ship Power Equipments</i>	3	45		55	B6,C3
57	ĐAMH Thiết bị năng lượng tàu thủy	1		15	56	B6,C3,C5
58	Thiết bị tàu thủy <i>Ship Equipments</i>	3	45		53,56	B6,C3
59	ĐAMH Thiết bị tàu thủy	1		15	58	B6,C3,C5
60	Lắp đặt, sửa chữa T.bị năng lượng tàu thủy <i>Installation, Repairing Ship Power Equipments</i>	3	45		56	B6,C3
61	Thiết kế tàu thủy <i>Ship Design</i>	3	45		53	B4,C1
62	ĐAMH Thiết kế tàu thủy	1		15	61	B4,C1,C5
63	Công nghệ đóng sửa tàu thủy <i>Ship Building-Repairing Technology</i>	3	45		53	B5,C2
64	ĐAMH Công nghệ đóng sửa tàu thủy	1		15	63	B5,C2,C5
66	Công nghệ đóng sửa tàu phi kim loại <i>Non-Metallic Ship Building and Repairing Technology</i>	3	30	15	53	B5,C2
67	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy	3	30	15	32,33	C6
68	Hàn tàu thủy	2	15	15	39	B5,C4
69	Tin học ứng dụng chuyên ngành	2	15	15	53	C4
70	Điện tàu thủy	2	30		41	B3,B6,C3
71	Thực tập chuyên ngành <i>Specialized Practice</i>	5	8 tuần		60,63	A1,A2,B5 B6,C3,C5

72	Thực tập ngành <i>General Practice</i>	2	5 tuần	71	A1,A2,B5 B6,C3,C5
<i>II.2. Các học phần tự chọn (Chọn 5 trong 11 hp)</i>		10			
73	Đăng kiểm tàu thủy <i>Registration of Ships</i>	2		63	B4,B5,C1 C2,C3
74	Kỹ thuật kiểm tra không phá hủy	2		63	B3,C2
75	Công trình thủy công <i>Ship Launching Constructions</i>	2		63	B5,C2
76	Trang trí nội thất tàu thủy <i>Ship Furnishings</i>	2		63	B5,C2
77	Công nghệ CAD/CAM trong đóng tàu <i>CAD/CAM Technology in Shipbuilding</i>	2		63	B5,C2,C4 C6
78	Công nghệ sơn tàu thủy	2		63	B5,C2
79	Máy phụ tàu thủy <i>Auxiliary Machinery</i>	2		60	B6,C3
80	Lắp đặt đường ống tàu thủy	2		60	B6,C3
81	Tự động hóa Thiết bị năng lượng tàu thủy <i>Ship Automation System</i>	2		60	B6,C3
82	Máy khai thác <i>Fishing Machinery</i>	2		60	B6,C3

3. KẾT LUẬN

Trên đây là kết quả rà soát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy dựa trên các căn cứ và tiêu chí đã nêu, đồng thời cũng đã được bàn bạc trong tổ cập nhật chương trình cũng như tham gia ý kiến tư vấn của Hội đồng nhà trường. Nhân tại hội thảo lần này, rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ phía các doanh nghiệp, là nơi sinh viên lựa chọn để công hiến những kiến thức có được sau thời gian đào tạo, để chương trình càng hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy năm 2013.
2. Chuẩn kiểm định CTĐT của Việt Nam và Khu vực Đông Nam Á, AUN.
3. Quyết định 65/QĐ- ĐHNT ngày 22/01/2016 về việc thành lập các tổ cập nhật chương trình đào tạo đại học, Cao đẳng của Hiệu trưởng trường Đại học Nha Trang
4. Thông báo số 789/TB-ĐHNT ngày 30/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang.
5. Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ giáo dục đào tạo.

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ CĐR VÀ CTĐT NGÀNH KTTT

ThS Đinh Đức Tiến – Viện NCCT tàu thủy (ĐHNT)

1. VỀ THỰC TRẠNG CHUẨN ĐẦU RA CỦA KỸ SƯ KỸ THUẬT TÀU THỦY

Trong những năm gần đây, chất lượng đào tạo của khoa KTGT nói riêng và trường ĐHNT nói chung có những bước phát triển, có những thành tựu đáng ghi nhận, góp phần quan trọng vào nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực cho công cuộc xây dựng, bảo vệ và đổi mới đất nước. Các kỹ sư tốt nghiệp chuyên ngành vỏ tàu và động lực đáp ứng khá tốt yêu cầu công việc của các nhà máy đóng tàu lớn như: Bạch Đằng, Nam Triệu, Hyundai, Sông Cẩm, Sông Chanh, Viện NCCT Tàu thủy... Tuy nhiên, theo cá nhân tôi, chất lượng đào tạo vẫn còn tồn tại một số bất cập đó là:

- Chất lượng đào tạo chuyên môn sâu còn thấp, quan tâm đến phát triển số lượng nhiều hơn chất lượng; so với yêu cầu phát triển của doanh nghiệp còn nhiều nội dung chưa đạt; còn nhiều nội dung bị hổng kiến thức. ***Tại Viện Tàu thủy có nhiều kỹ sư thực hành rất lúng túng trong quá trình thi công, cụ thể là đọc bản vẽ thi công, phương pháp tổ chức thi công.***

- Nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo còn *chậm đổi mới, chậm hiện đại hóa*, chưa gắn chặt với đời sống xã hội và lao động nghề nghiệp; chưa phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của sinh viên.

- Chưa phát huy hết tư duy và khả năng tiềm ẩn của sinh viên dẫn đến tình trạng một số sinh viên sau khi ra trường rất bỡ ngỡ trong quá trình làm việc. Chưa theo kịp yêu cầu đổi mới - phát triển của doanh nghiệp trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường; khoa học trong đào tạo chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng nghiên cứu các đề tài khoa học của sinh viên còn nhiều bất cập.

Những vấn đề, những bất cập nêu trên trong quá trình đào tạo không thể giải quyết khắc phục được căn bản chỉ bằng các giải pháp cục bộ, đơn lẻ, bề mặt nhất thời... Để khắc phục theo tôi cần phải có chiến lược và tầm nhìn dài hạn, tính đồng bộ và hệ thống, mục đích đạt tới chiều sâu bản chất của vấn đề.

2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu khung đào tạo chuẩn đầu ra, tôi có một số đề xuất như sau:

- Chuẩn đầu ra theo khung đào tạo theo tôi là là hợp lý. Nếu thực hiện được như vậy thì các kỹ sư tốt nghiệp khoa KTGT ***sẽ có nhiều biến đổi về chất***, sẽ đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của doanh nghiệp. Tuy nhiên cá nhân tôi còn một số đóng góp như sau:

- Tăng thời lượng giảng dạy và số tiết học với các môn chuyên ngành cơ bản: Sức bền vật liệu, Vẽ kỹ thuật, Lý thuyết tàu, Trang bị động lực, Thiết bị mặt boong, Máy khai thác...

- Tăng thời gian thực tập giáo trình cho sinh viên, cho sinh viên xuống các cơ sở đóng tàu tham gia làm việc trực tiếp làm việc với người lao động để nắm bắt những nguyên lý cơ bản nhất trong thi công và tổ chức thi công (*việc này được thực hiện hàng năm tại xưởng đóng tàu Viện NCCT Tàu thủy*)

- Tăng cường giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành, thường xuyên cập nhật phần mềm phục vụ công tác nghiên cứu và học tập chuyên môn.

- Xây dựng các kỹ năng mềm trong quá trình đào tạo như : Kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc theo nhóm...

- ***Cắt giảm các môn xã hội học không cần thiết và coi đây là những môn học tự chọn để sinh viên tìm đọc và tham khảo.***

- Giảm giờ nhưng không cắt xén nội dung giảng dạy: Đây là một giải pháp vô cùng khó, đòi hỏi giảng viên phải đầu tư nhiều thời gian trong quá trình chuẩn bị và cả trong giai đoạn giảng dạy. Giảm tải chương trình mà chưa có sự chuẩn bị kỹ càng cho người dạy về việc thiết kế và biên soạn lại nội dung giảng dạy, về phương pháp lên lớp cho phù hợp thì sẽ thất bại.

- Việc tăng giờ tự học của sinh viên: là điều kiện tối quan trọng để chất lượng đào tạo không giảm sút khi giảm giờ học trên lớp. Để giúp sinh viên tổ chức tự học có hiệu quả, cần phải có nhiều thời gian chuẩn bị và nhiều biện pháp khác nhau để xây dựng thói quen tự học, để họ quen dần với việc học tập tích cực. Từ xưa đến nay, tự học là một khâu vô cùng quan trọng trong việc học tập ở trình độ cao như đại học và trên đại học, vì nó góp phần hoàn thiện quá trình đào tạo của nhà trường, và từng bước hướng sinh viên đi vào nghiên cứu chuyên sâu một lĩnh vực tri thức nào đó.

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Để cải thiện chất lượng đào tạo, tạo chuẩn đầu ra tốt cho sinh viên, cá nhân tôi có một số ý kiến đóng góp như sau :

1) Bộ môn là đơn vị trực tiếp thực hiện các chương trình đào tạo, từ khâu biên soạn chương trình đến khâu biên soạn bài giảng, sách giáo khoa và giảng dạy trên lớp. Vì thế, hơn ai hết, Bộ môn biết rõ phải làm gì để bảo đảm chất lượng. Đề nghị Nhà trường phải tôn trọng các ý kiến của bộ môn về những việc liên quan đến chuyên môn. Bộ môn, Khoa phải được quyền quyết định về quy trình đào tạo, về chất lượng của sản phẩm của mình.

2) Cần phải lấy các học phần về kiến thức khoa học làm nòng cốt. Chất lượng đào tạo được thể hiện trước tiên bởi *hàm lượng kiến thức khoa học* được thiết kế trong chương trình.

3) Việc tự học là vô cùng quan trọng trong trường đại học, để thực hiện tốt giờ tự học của sinh viên, đề nghị cần ***thể chế hóa trách nhiệm của giảng viên*** đối với giờ tự học của sinh viên. Chỉ khi nào giờ tự học được nhìn nhận như là một hoạt động chính thức và được gắn với giờ dạy của giảng viên thì việc tự học mới được thực hiện tốt.

4) Tổ chức thường xuyên những buổi báo cáo chuyên đề, tọa đàm, thảo luận về đổi mới dạy học, dạy học tích cực, cho giảng viên, để giảng viên có nhiều cơ hội tiếp xúc với

nhiều quan niệm, phương pháp và kỹ thuật dạy học mới mẻ, để từng bước cải tiến chất lượng dạy học.

5) Cần học tập thêm các trường có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo chuẩn đầu ra cho sinh viên như ĐHBK, ĐHHH, ĐHGTVT.

MỘT SỐ Ý KIẾN THAM LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG KỸ SƯ NGÀNH KTTT, NHỮNG BẤT CẬP VÀ NHỮNG YÊU CẦU CẦN THAY ĐỔI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHO PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH THỰC TẾ SỬ DỤNG CỦA DOANH NGHIỆP HIỆN NAY

ThS Lê Văn Toàn – Cty TNHH MTV đóng tàu Nha Trang

1. ĐÔI NÉT VỀ CBCNV TẠI ĐƠN VỊ

1.1. Nhu cầu sử dụng và khả năng đáp ứng tại đơn vị:

Ở thời điểm hiện tại, CB quản lý có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ 95% được đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang, 05% được đào tạo ở những trường đại học khác trong nước (Đại học kinh tế TPHCM, Đại học Sư Phạm Kỹ thuật, Đại Học Hàng Hải,...), trong đó chiếm 99% cán bộ quản lý kỹ thuật chính trong công tác đóng mới, sửa chữa tàu được đào tạo từ chuyên ngành KTTT-Trường Đại học Nha Trang (chủ yếu là chuyên ngành vỏ tàu thủy, máy tàu thủy). Trong đó có một cán bộ ở vị trí lãnh đạo quản lý cao nhất của đơn vị được đào tạo chuyên ngành động lực tàu thủy - Trường Đại học Nha Trang.

Với Sản lượng hàng năm trong hoạt động SXKD chính của đơn vị là đóng mới và sửa chữa tàu biển thì có thể thấy được khả năng đáp ứng tốt trong nghiệp vụ ngành của các CB được đào tạo tại Khoa KTTT và trường ĐH Nha Trang.

1.2. Các công việc chính hiện nay của CB ngành KTTT tại đơn vị:

- Dịch vụ tư vấn cho khách hàng về kỹ thuật, phạm vi sử dụng, vận hành khai thác, hạng mục sửa chữa....
- Công tác thiết kế tàu: Thiết kế kỹ thuật, thiết kế công nghệ, phương án công nghệ về sự lý sự cố trên biển, cứu nạn, phương án di dời phương tiện...
- Tổ chức kiểm tra khảo sát lập dự toán sửa chữa, đóng mới tàu và các công trình nổi.
- Triển khai thi công, chỉ đạo sản xuất.
- Xây dựng hệ thống và quản lý kiểm soát chất lượng sản phẩm theo theo tiêu chuẩn ISO. Xây dựng các quy trình công nghệ, quy trình thi công, ... và các tiêu chuẩn áp dụng. Tổ chức giám sát, kiểm soát chất lượng sản phẩm thi công tại hiện trường.

2. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO KỸ SƯ NGÀNH KTTT.

2.1. Kiến thức chuyên môn:

- Nền tảng về kiến thức lý thuyết cơ bản chủ yếu về phần máy và phần vỏ tàu được trang bị, đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Tuy nhiên về những phần kiến thức liên quan khác của tàu như: thiết kế công nghệ, phần hệ thống điện tàu, trang thiết bị VTĐ-nghi khí hàng hải, hệ thống van ống, lý thuyết chuyên sâu về từng lĩnh vực của chuyên môn này còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp cụ thể cần phải trang bị thêm kiến thức để đáp ứng được yêu cầu thực tế của doanh nghiệp như sau:

+ Trang bị thêm những tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng trong sản xuất của doanh nghiệp thường sử dụng.

+ Cập nhật, trang bị những tiêu chuẩn, quy chuẩn, công ước quốc tế về tàu biển được ban hành trong và ngoài nước.

+ Trang bị những kiến thức cơ bản về việc Tổ chức SX, xây dựng quy trình công nghệ SX sản phẩm.

2.2. Sức khỏe, Đạo đức – bản lĩnh nghề nghiệp, Kỹ năng nghiệp vụ:

- Sức khỏe tốt, có đam mê và bản lĩnh trong nghề nghiệp được đào tạo
- Chủ động trong công việc, có khả năng tư duy trong công việc.
- Có tinh thần, ý thức trách cao trong công việc được giao.

2.3. Kỹ năng quản lý:

- Biết vận dụng, sắp xếp công việc, thời gian khoa học.
- Chủ động Xây dựng, giám sát và tổ chức triển khai kế hoạch tốt.

2.4. Kỹ năng mềm:

- Vận dụng tiếng anh giao tiếp, tiếng anh chuyên ngành còn nhiều hạn chế.
- Kỹ năng tư nghiên cứu chưa cao.
- Kỹ năng cập nhật, sử dụng các phần mềm hỗ trợ ngành còn nhiều hạn chế.

Kiến nghị: Qua tổng hợp và ý kiến đánh giá nêu trên. Doanh nghiệp rất mong trong thời gian tới, với sự nỗ lực cao từ phía đơn vị đào tạo chúng tôi tin tưởng và mong muốn Nhà trường, Khoa sẽ từng bước hoàn thiện chương trình đào tạo để nâng cao hơn nữa chất lượng đầu ra của SV tốt nghiệp ngành KTTT, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu ngày càng cao của các Doanh nghiệp trong nước cũng như ngoài nước .